



**2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):**

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Rau muống chuyên canh	m2	104,8	19.600	100%	2.054.080	
<b>Tổng cộng: (C)</b>						<b>2.054.080</b>	

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m <sup>2</sup> x 5 lần = 1.450.000đ/m <sup>2</sup> .	m2	104,8	1.450.000	151.960.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 3 tháng x 16.600đ/kg = 1.494.000đ/khâu nông nghiệp).	Khâu	1	1.494.000	1.494.000	
3	Thường tiền độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m <sup>2</sup> nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m2				Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
<b>Tổng tiền: (D)</b>					<b>153.454.000</b>	

**4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không**

**5. Phương án tái định cư (F): Không**

**III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)**

**185.900.080 đồng**

**IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F)**

**0 đồng**

**V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)**

**185.900.080 đồng**

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

*Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm nghìn không trăm tám mươi đồng*

**CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thu Hương**